MIRAE ASSET Securities

VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Thận trọng trước các phép thử vĩ mô

Fed & ECB đồng thời giữ lãi suất



Chính sách thúc đẩy kinh tế



Triển vọng thị trường



Lê Hoàng Phương Nam nam.lhp@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- **Fed và ECB cùng giữ nguyên lãi suất, thị trường kỳ vọng đợt tăng tiếp theo vào tháng 12. Chứng khoán Mỹ giảm, áp lực tập trung ở nhóm công nghệ sau KQKD quý 3:** S&P 500 giảm 0,57% WoW xuống 7580,07 điểm, trong khi cổ phiếu Alphabet giảm hơn 12% trong phiên 29/10 do KQKD không đạt kỳ vọng. Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm về 4,93% (30/10), thấp nhất trong 7 tuần.
- **Sự kiện của Mỹ cần theo dõi:** 1) Chỉ số ISM sản xuất và dịch vụ; 2) Số liệu việc làm phi nông nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp; 3) Cuộc bầu cử giữa kỳ (3/11).

Việt Nam

- **Tăng trưởng tín dụng:** Đến ngày 26/10/2026, dư nợ toàn nền kinh tế đạt khoảng 20,8 triệu tỷ đồng, tăng 11,94% so với cuối năm 2025.
- **Đầu tư công:** Cập nhật đến ngày 29/10, số vốn giải ngân đã vượt 720 nghìn tỷ đồng. Nếu hoàn thành mục tiêu, đầu tư công sẽ đóng góp khoảng 2,5 điểm phần trăm vào tăng trưởng quý IV và khoảng 1,7 điểm phần trăm vào tăng trưởng kinh tế cả năm.
- **Xuất nhập khẩu:** Xuất khẩu đến ngày 29/10 đạt 493,6 tỷ USD (+27,2% YoY), nhập siêu khoảng 14 tỷ USD.
- **Lạm phát:** Từ ngày 1/11, giá bán lẻ điện bình quân giảm 2% (còn khoảng 2.160 đồng/kWh) và thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng về 0% (áp dụng đến 31/3/2027), đưa giá xăng giảm khoảng 7%. Theo Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng, hai biện pháp dự kiến tạo thêm dư địa khoảng 0,07 điểm % để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội đề ra.
- **Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước giai đoạn 2026–2030 (QĐ 2054/QĐ-TTg, 27/10):** 15 doanh nghiệp giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước, 6 doanh nghiệp cơ cấu lại trước năm 2030.
- **LNST quý 3 trên HOSE tăng 54,1% YoY, nhưng tăng trưởng tập trung:** Nhóm Vingroup đóng góp khoảng 61% mức tăng; loại trừ nhóm này, LNST phần còn lại chỉ tăng khoảng 22%, với số doanh nghiệp tăng và giảm lợi nhuận gần cân bằng (159 và 148).
- **VN-Index giảm 1,83% WoW xuống 1.741,62 điểm, chủ yếu do áp lực chốt lời ở nhóm vốn hóa lớn sau nhịp hồi phục 4% của tuần trước.** Khối ngoại bán ròng hơn 2,5 nghìn tỷ đồng trong tuần, nối dài chuỗi bán ròng lên 6 phiên liên tiếp. Chúng tôi cho rằng VN-Index có thể kiểm định vùng hỗ trợ 1.700 điểm trước khi phục hồi về vùng kháng cự 1.780–1.800 điểm.
- **Rủi ro cần theo dõi:** Bầu cử giữa kỳ ở Mỹ (3/11) và lộ trình lãi suất của các NHTW lớn trong tháng 12.

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu có dấu hiệu hạ nhiệt

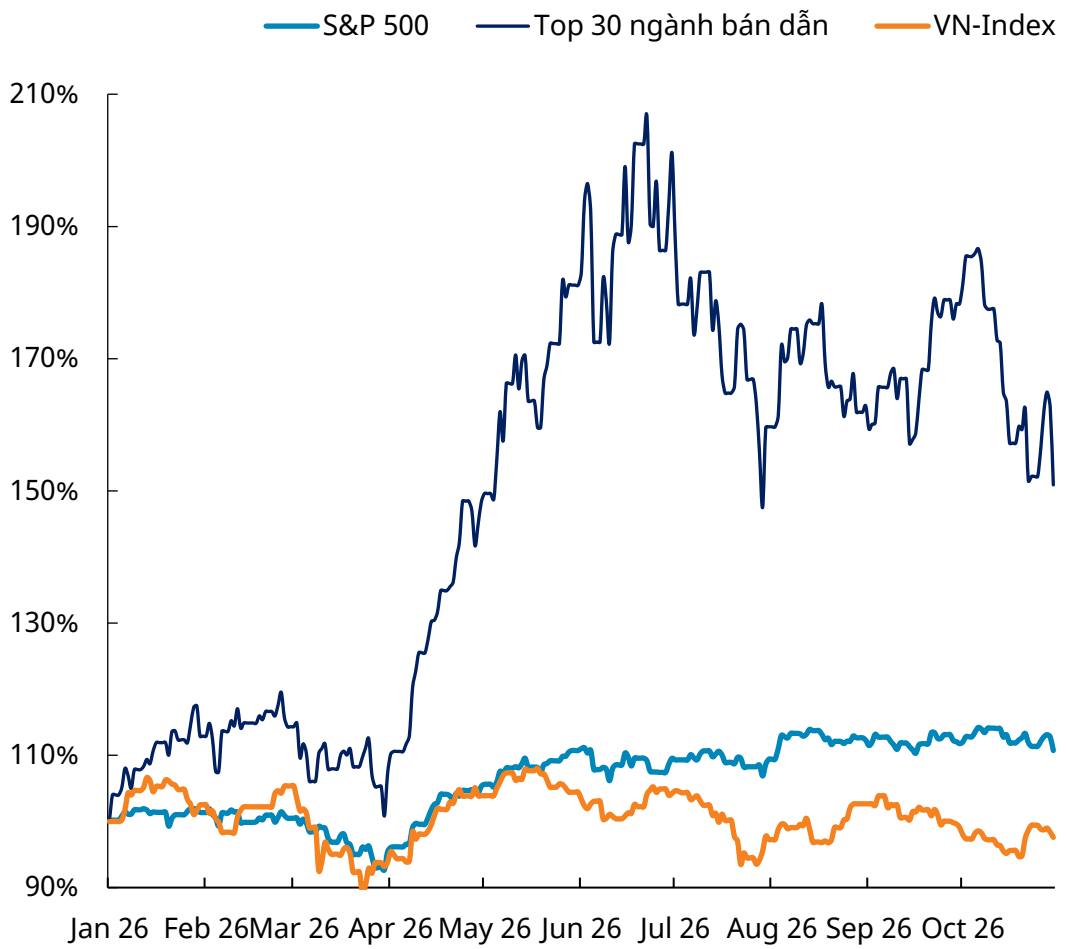
- **Trong tuần, S&P 500 giảm 0,57% WoW xuống 7580,07 điểm, chỉ số ngành bán dẫn giảm 0,84% WoW xuống mức 10688,80 điểm.** Nhu cầu vốn cho AI tiếp tục mở rộng: Anthropic nộp hồ sơ IPO, Meta dự kiến phát hành tới 95 tỷ USD cổ phiếu, SpaceX vay 40 tỷ USD để mua chip. Tuy nhiên, nhóm công nghệ chịu áp lực, với cổ phiếu Alphabet giảm hơn 12% trong phiên 29/10 khi KQKD quý 3 dưới kỳ vọng và dòng tiền tự do âm 9,07 tỷ USD, dù kế hoạch chi đầu tư 195–205 tỷ USD được giữ nguyên. Khả năng chuyển hóa đầu tư AI thành lợi nhuận vì vậy đang là một trong những yếu tố chính quyết định diễn biến của nhóm cổ phiếu công nghệ.

- **Fed giữ nguyên lãi suất ở mức 3,75–4,00% với tỷ lệ phiếu 10–2, trong khi thị trường đang chiết khấu khả năng tăng 25bps vào tháng 12** (xác suất 73%, CME FedWatch, ngày 30/10). Fed sẽ dựa vào thêm dữ liệu để xác định lập trường chính sách phù hợp, nhằm đưa lạm phát về mục tiêu 2%. Nhìn về cuối năm 2027, thị trường tương lai đang chiết khấu còn khoảng 2 lần tăng nữa (+55bps) đưa mức lãi suất hiệu dụng lên 4,43%.

- **Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm về 4,93% ngày 30/10, thấp nhất trong 7 tuần, giảm 0,31 điểm % so với tháng trước nhưng vẫn cao hơn 0,86 điểm % so với cùng kỳ.** Lợi suất dao động quanh 5% sau quyết định giữ nguyên lãi suất của Fed và các số liệu PCE, GDP công bố ngày 29/10, trước khi giảm vào cuối tuần. Đợt bán tháo cổ phiếu công nghệ và AI sau KQKD kém kỳ vọng của Alphabet, Amazon và Intel đã phần nào thúc đẩy nhà đầu tư chuyển sang trái phiếu chính phủ.

- **Sự kiện của Mỹ cần theo dõi**: 1) Chỉ số ISM sản xuất và dịch vụ; 2) Số liệu việc làm phi nông nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp; 3) Cuộc bầu cử giữa kỳ (3/11).

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **30/10/2026**

Fed & ECB cùng giữ nguyên lãi suất trong tháng 10, thị trường chiết khấu đợt tăng vào tháng 12 tới

	Fed	ECB
Cuộc họp tháng 9	Tăng 25bps lên 3,75–4,00% (16/9), đồng thuận toàn bộ	Tăng 25bps, lãi suất tiền gửi lên 2,50% (10/9)
Cuộc họp tháng 10	Giữ nguyên 3,75–4,00% (28/10); 2/12 phiếu muốn tăng 25bps	Giữ nguyên lãi suất tiền gửi 2,50%, tái cấp vốn 2,65% (29/10)
Điểm chính	Tăng trưởng kinh tế được đánh giá "mạnh", nâng từ mức "vững" tại cuộc họp tháng 9; lạm phát vẫn cao. Fed sẽ dựa vào thêm dữ liệu để xác định lập trường chính sách phù hợp, nhằm đưa lạm phát về mục tiêu 2%. Từ năm 2027, 1 trong 8 cuộc họp sẽ không bỏ phiếu lãi suất; đến năm 2028, số cuộc họp này tăng lên 2.	Giá năng lượng cao có thể đẩy lạm phát chung tăng và kìm hãm tăng trưởng nếu tác động lan tỏa gia tăng. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản nhìn chung ổn định (2,5% trong tháng 9) và tiền lương chưa phản ứng đáng kể. ECB không đưa ra định hướng cho lộ trình lãi suất. Bà Lagarde công bố sẽ rời nhiệm sở vào tháng 2/2027, sớm 9 tháng so với kế hoạch.
Rủi ro	Lạm phát lan rộng: CPI tháng 9 tăng 3,7%, PPI tăng 6,3% (cao nhất từ 12/2022), PCE cơ bản tháng 9 tăng 3,1%. Theo ông Kevin Warsh, lãi suất cao "đã có tác động" tới làn sóng đầu tư AI, thể hiện qua chênh lệch tín dụng của một số tài sản nới rộng và nhà đầu tư phân bổ vốn chọn lọc hơn.	Lạm phát chung gần gấp đôi mục tiêu 2%; lợi suất trái phiếu Pháp biến động mạnh làm chi phí vay tại châu Âu tăng, có thể kìm hãm tăng trưởng.
Kỳ vọng thị trường	Thị trường đang chiết khấu khả năng tăng 25bps vào tháng 12 (xác suất 73%). Nhìn về cuối năm 2027, thị trường tương lai đang chiết khấu còn khoảng 2 lần tăng nữa (+55bps) đưa mức lãi suất hiệu dụng lên 4,43%.	Thị trường đang chiết khấu khả năng tăng 25bps vào tháng 12 (xác suất 84%)

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp **cập nhật tới 30/10/2026**

Lạm phát PCE tăng tốc trong tháng 9, áp lực giá có dấu hiệu lan rộng ra ngoài năng lượng

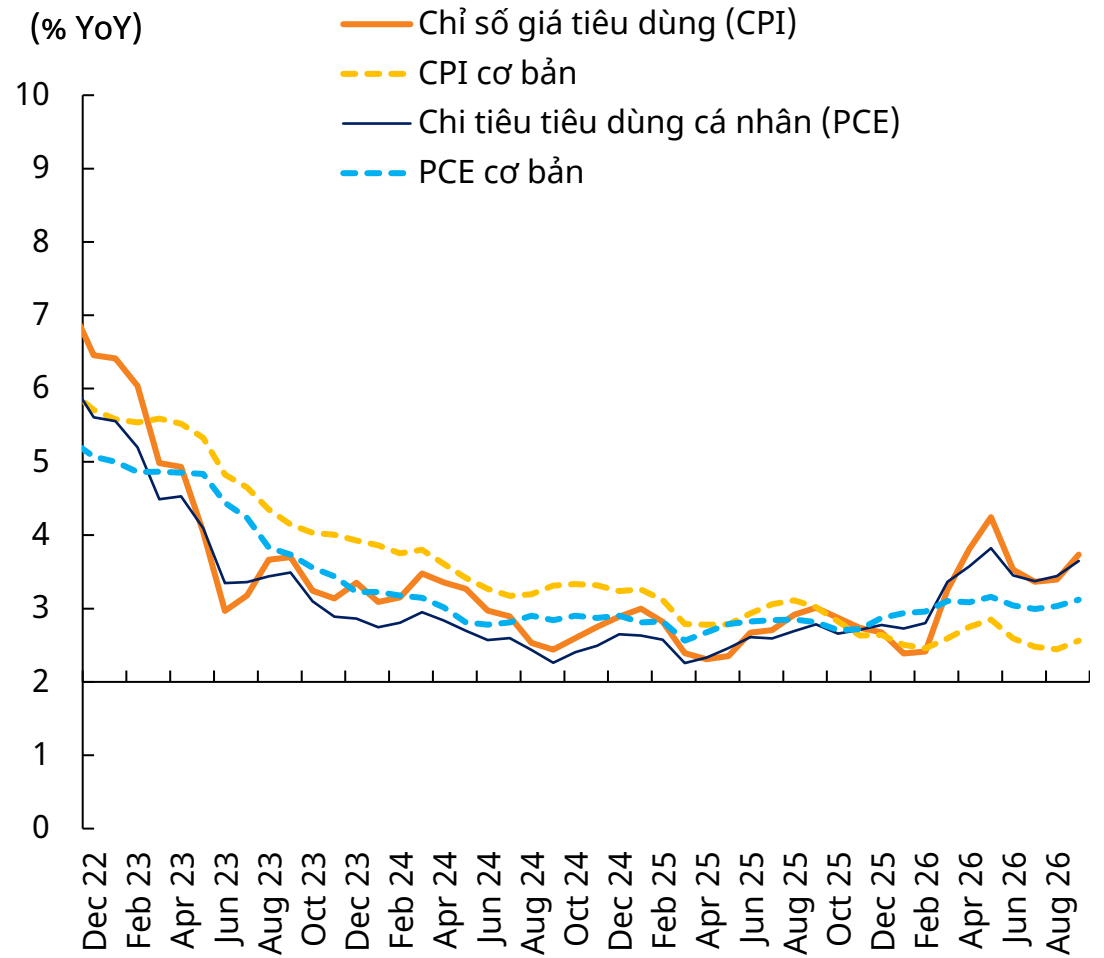
- **PCE tăng tốc lên 3,6% YoY, do các cấu phần chịu tác động từ phía cung**: PCE tháng 9 tăng 0,5% MoM, mạnh nhất kể từ tháng 3, đưa mức tăng YoY lên 3,6% từ 3,4% của tháng 8. Theo ước tính của San Francisco Fed, toàn bộ mức tăng tốc trong tháng 9 đến từ phía cung, trong khi phần do cầu gần như không đổi. Chênh lệch giữa PCE chung và PCE lõi cũng nới rộng lên 0,5 điểm % (tháng 8: 0,4 điểm %), phù hợp với việc giá năng lượng vẫn là lực đẩy chính.

- **PCE cơ bản tăng 3,1% YoY, cao nhất kể từ tháng 5, với áp lực ngày càng đến từ phía cầu**: PCE lõi tăng 0,3% MoM. Cũng theo mô hình của San Francisco Fed, phần do cầu trong PCE lõi đã tăng từ 0,8 điểm % cuối năm 2025 lên khoảng 1,2 điểm % trong tháng 8, vượt phần do cung kể từ tháng 5. Rủi ro lạm phát vì vậy không chỉ đến từ năng lượng, mà còn từ nhu cầu trong nền kinh tế.

- **Lạm phát bắt đầu ảnh hưởng đến sức mua của hộ gia đình**: Chi tiêu tiêu dùng danh nghĩa tháng 9 tăng 0,5% MoM, nhanh hơn thu nhập (+0,2%), nhưng chi tiêu thực gần như đi ngang (tháng 8: +0,5%) và thu nhập khả dụng thực giảm 0,3%; tỷ lệ tiết kiệm ở mức 3,8%. Phần lớn mức tăng chi tiêu đang bị giá cả hấp thụ, cho thấy tiêu dùng thực có dấu hiệu chậm lại vào cuối quý.

- **GDP quý 3 tăng 3,4%, cao hơn kỳ vọng, cho thấy nền kinh tế vẫn tăng trưởng vững dù lạm phát ở mức cao**: Theo ước tính sơ bộ của BEA, GDP quý 3 tăng 3,4%, so với 2,2% của quý 2 và cao hơn dự báo. Tiêu dùng tăng 3,8%, đóng góp khoảng 2,5 điểm %, còn cầu nội địa khu vực tư nhân tăng 4,9% (quý 2: 4,6%). Tăng trưởng vững cùng lạm phát lõi cao có thể là yếu tố thị trường cân nhắc trong kỳ vọng về cuộc họp tháng 12 của Fed.

Chỉ số PCE và CPI của Mỹ

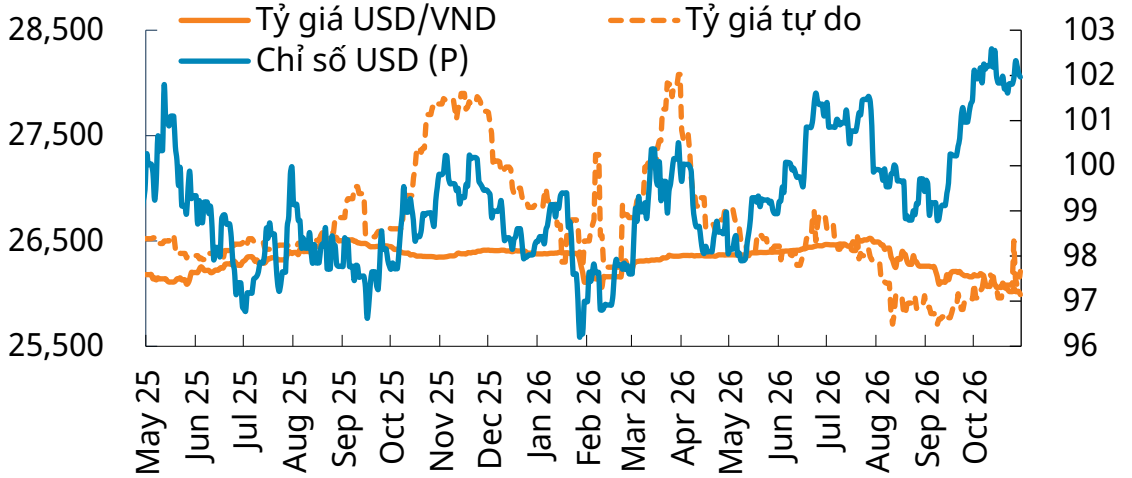


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **30/10/2026**

Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh trong tuần, tỷ giá ổn định

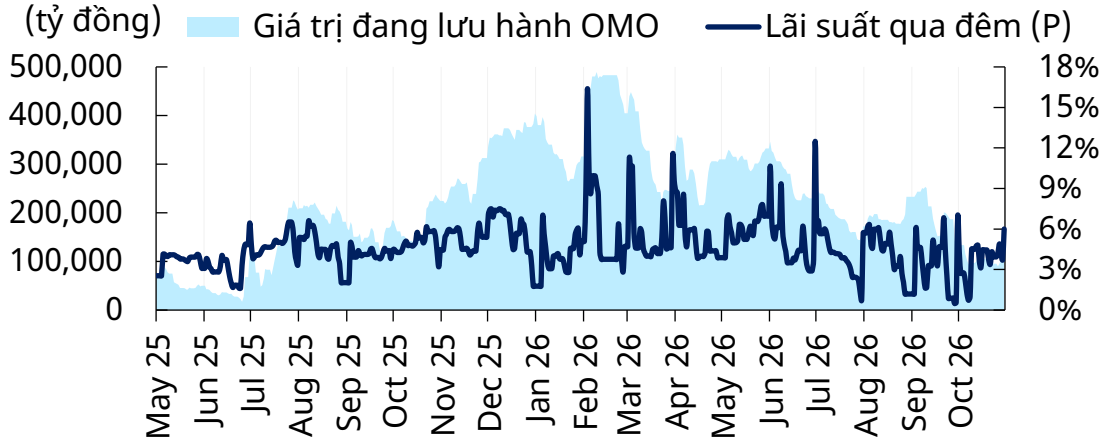
- **Tỷ giá USD/VND:** Tỷ giá bán tại Vietcombank giảm xuống 25.990 (-0,1% WoW; −1,5% YTD), thị trường tự do tăng lên 26.210 (+0,5% WoW; −2,3% YTD).
- **Nghiệp vụ thị trường mở (OMO):** NHNN bơm 67 nghìn tỷ đồng qua OMO (kỳ hạn 7–91 ngày, lãi suất 4,5%/năm), trong khi 38,8 nghìn tỷ đồng đáo hạn. Trong tuần, NHNN bơm ròng 28,2 nghìn tỷ đồng, lượng OMO lưu hành tăng từ 95,1 nghìn tỷ lên 123,2 nghìn tỷ đồng.
- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tính đến 29/10, lãi suất qua đêm giảm 21đcb WTD xuống 3,74%, kỳ hạn 1 tuần tăng 111đcb lên 5,19%, kỳ hạn 2 tuần tăng 43bps 5,49%, kỳ hạn 3 tháng tăng 66bps lên 7,56%, kỳ hạn 6 tháng vẫn quanh mốc 8%. Trong 4 phiên 26–29/10, giá trị giao dịch bình quân ở các kỳ hạn đạt khoảng 879 nghìn tỷ đồng/phiên (+1,2% so với bình quân tuần trước), trong đó kỳ hạn qua đêm chiếm 94% và kỳ hạn 1W chiếm 5%. Giao dịch kỳ hạn 1W tăng khoảng 5 lần so với tuần trước.
- **Quan sát:** Chỉ số sức mạnh đồng USD (DXY) dao động quanh mốc 102 điểm (+0,1% WoW; +3,6% YTD). Nhu cầu thanh khoản của hệ thống tăng hơn so với tuần trước với lãi suất liên ngân hàng có xu hướng tăng đi kèm giá trị giao dịch tăng. NHNN bơm ròng trở lại qua OMO.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



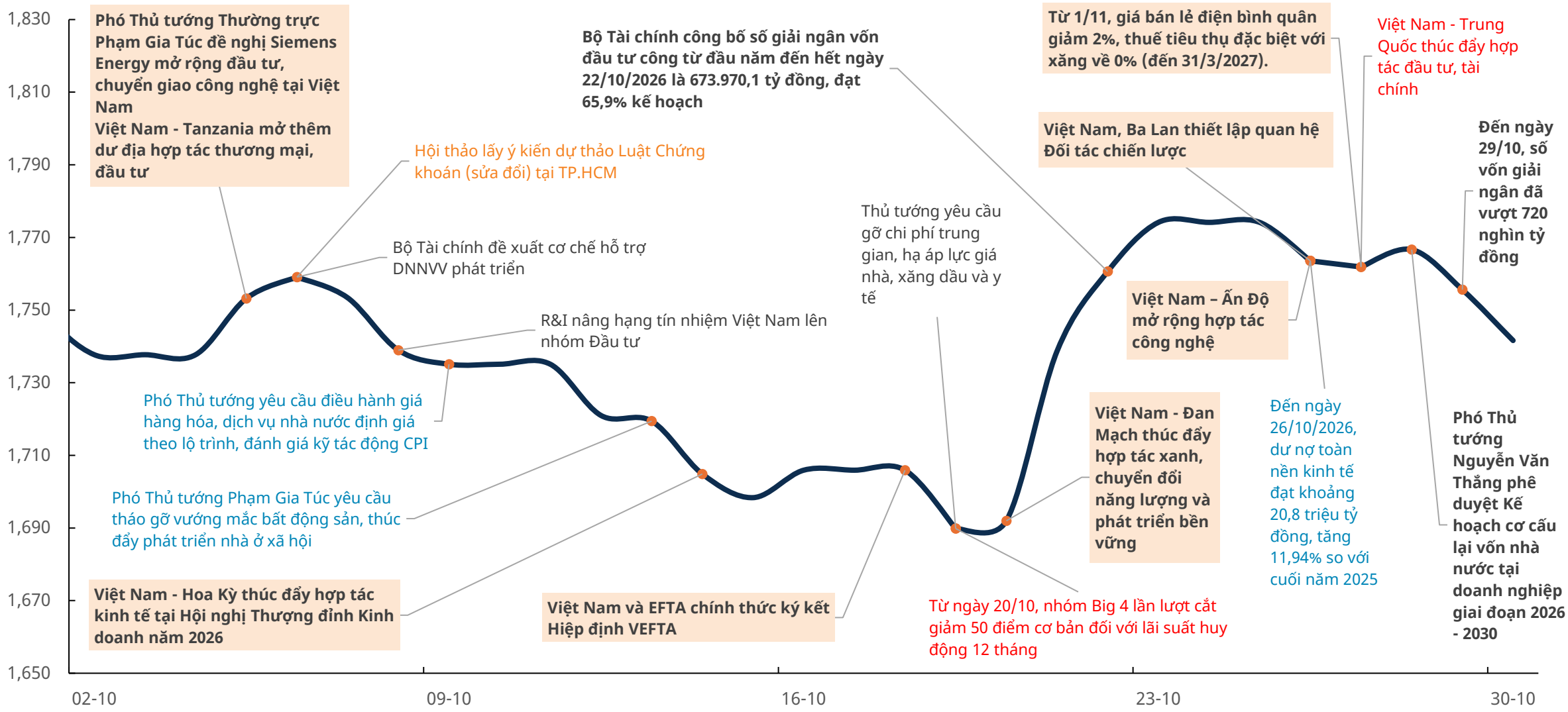
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Bloomberg và FiinPro, **cập nhật tới 30/10/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro và NHNN, **cập nhật tới 30/10/2026**

Thị trường chứng khoán giảm điểm dù có nhiều thông tin kinh tế tích cực trong tuần



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam **cập nhật tới 30/10/2026**

Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước 2026–2030: 6 doanh nghiệp thay đổi tỷ lệ sở hữu nhà nước

- Theo Quyết định 2054/QĐ-TTg (27/10), 15 doanh nghiệp tiếp tục giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước, 6 doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn và hoàn thành trong năm 2030.
- Bộ Tài chính và NHNN chủ động lựa chọn thời điểm, hình thức thực hiện báo cáo tiến độ hằng năm trước ngày 31/01; trường hợp không đảm bảo tỷ lệ theo khung hoặc không hoàn thành trong giai đoạn 2026–2030 phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm.

Doanh nghiệp (mã CK)	Tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại	Khung theo QĐ 40/2026	Tỷ lệ sau cơ cấu lại (2030)	Thay đổi (điểm %)
Bộ Tài chính				
Vietnam Airlines (HVN)	39,29%	Từ 65% trở lên	86,42%	**+47,13**
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – VIMC (MVN)	99,47%	Từ 65% trở lên	65,00%	**–34,47**
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)	96,77%	Từ 65% trở lên	75,00%	**–21,77**
Ngân hàng Nhà nước				
BIDV (BID)	76,73%	Từ 65% trở lên	Từ 65% trở lên	Giảm tối đa 11,73
Vietcombank (VCB)	74,80%	Từ 65% trở lên	Từ 65% trở lên	Giảm tối đa 9,80
VietinBank (CTG)	64,46%	Từ 65% trở lên	65,00%	**+0,54**

Nhà nước tăng sở hữu tại Vietnam Airlines và VietinBank, đồng thời giảm tỷ lệ tại VIMC và GVR. Tại VCB và BIDV, khung "từ 65% trở lên" có thể tạo dư địa tăng vốn điều lệ hoặc giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước, qua đó cải thiện tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

XNK vượt 1.000 tỷ USD sau 10 tháng, dự thảo Chiến lược nhắm tới top 10 nước XK lớn nhất thế giới

- **XNK lần đầu vượt mốc 1.000 tỷ USD**: Tính đến ngày 29/10, tổng kim ngạch XNK đạt khoảng 1.001,3 tỷ USD (+32,3% YoY), lần đầu vượt mốc 1.000 tỷ USD. Xuất khẩu đạt 493,6 tỷ USD (+27,2% YoY) và nhập khẩu đạt 507,7 tỷ USD (+37,6% YoY). Cục Hải quan dự kiến xuất khẩu cả năm 2026 tăng trên 25%, vượt mục tiêu 15–16% Chính phủ đề ra.
- **Mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu nâng gần gấp 3:** Dự thảo Chiến lược XNK hàng hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (Bộ Công Thương đang lấy ý kiến) đặt mục tiêu xuất khẩu tăng 15–16%/năm giai đoạn 2026–2030, so với 5–6%/năm tại chiến lược được phê duyệt năm 2022. Hiện Việt Nam xếp thứ 18 thế giới về xuất khẩu và thứ 20 về nhập khẩu, theo Cục Hải quan.

Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026–2030	Tầm nhìn 2045
Quy mô và tốc độ tăng trưởng		
Tăng trưởng xuất khẩu bình quân	15–16%/năm	–
Tăng trưởng nhập khẩu bình quân	12–13%/năm	–
Vị thế quốc tế	–	Nhóm 10 nước có kim ngạch XK và NK lớn nhất
Chất lượng tăng trưởng		
Tỷ trọng xuất siêu trên tổng kim ngạch XK	Bình quân 3–6%	7–10%
Tỷ trọng XK của khu vực doanh nghiệp trong nước	28–30% (năm 2030)	38–40%
Tỷ trọng XK sang thị trường mới (Nam Á, Trung Đông, châu Phi, Mỹ Latinh)	Khoảng 10% (năm 2030)	Khoảng 15%

Trọng tâm của dự thảo chuyển từ quy mô sang chất lượng: thặng dư bền vững, nâng vai trò doanh nghiệp trong nước và đa dạng hóa thị trường. Tuy nhiên, nhập khẩu đang tăng nhanh hơn xuất khẩu, đưa mức nhập siêu đến ngày 29/10 lên khoảng 14 tỷ USD, và kim ngạch XNK của khu vực trong nước chỉ tăng 16% so với 37% của khu vực FDI. Vì vậy, các mục tiêu về chất lượng có thể là thách thức lớn hơn mục tiêu tăng trưởng.

Mở rộng hợp tác kinh tế với Ba Lan, Ấn Độ và Trung Quốc, trọng tâm là công nghệ cao và chuỗi cung ứng



Ba Lan

26/10 - Đối tác chiến lược

- Kim ngạch 9T2026 gần 3,5 tỷ USD (+19% YoY); mục tiêu 6 tỷ USD vào năm 2030, cao hơn khoảng 50% so với năm 2025.
- Theo Thủ tướng Lê Minh Hưng, hợp tác tập trung vào lĩnh vực công nghệ, giá trị gia tăng cao; tháo gỡ thủ tục đầu tư, hải quan; kết nối logistics.
- Theo Thủ tướng Donald Tusk, Ba Lan có thể là cửa ngõ để doanh nghiệp Việt Nam vào EU; ưu tiên dược phẩm – y tế, công nghệ vũ trụ kết hợp AI.

6 tỷ USD

Mục tiêu thương mại song phương đến năm 2030

Năm 2025: Kim ngạch XNK gần 4 tỷ USD
· FDI: 35 dự án, ~412 triệu USD (lũy kế đến tháng 9/2026)



Ấn Độ

26/10 - Diễn đàn Kinh tế Mùa thu 2026

- Hợp tác mở rộng sang 6 nhóm công nghệ: nhân lực, AI – hạ tầng số, bán dẫn, công nghệ vũ trụ, khí hậu – y tế, khởi nghiệp.
- TP. Hồ Chí Minh làm đầu mối kết nối, ưu tiên đào tạo nhân lực công nghệ cao và chuyển giao công nghệ theo nhu cầu thực tế.
- Mục tiêu xác định 3–5 sáng kiến ưu tiên, chọn 1–2 dự án thí điểm triển khai trong 12–24 tháng tới.

25 tỷ USD

Mục tiêu thương mại song phương đến năm 2030

6 nhóm lĩnh vực công nghệ



Trung Quốc

27/10 - Bộ Tài chính làm việc với Quốc vụ viện

- Khoảng 80,6% vốn đăng ký của Trung Quốc tập trung vào chế biến, chế tạo; Việt Nam khuyến khích đầu tư vào bán dẫn, xe điện, pin – lưu trữ năng lượng, logistics.
- Luật Đầu tư (sửa đổi) dự kiến bổ sung ưu đãi vượt trội cho bán dẫn, AI, trung tâm dữ liệu, gắn với cam kết chuyển giao công nghệ, nội địa hóa.
- Việt Nam đề xuất thiết lập đầu mối phối hợp để hỗ trợ xử lý khó khăn của doanh nghiệp đầu tư.

4,5 tỷ USD

Tổng vốn FDI đăng ký của Trung Quốc 9T2026 (+31,35% YoY)

Cả ba sự kiện cùng hướng hợp tác sang công nghệ cao (bán dẫn, AI, chuyển đổi số) và kết nối chuỗi cung ứng. Cùng với các ưu đãi dự kiến trong Luật Đầu tư (sửa đổi), đây có thể là nền tảng để thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao trong giai đoạn tới.

LNST quý 3 trên HOSE tăng 54,1% YoY, nhưng phần lớn mức tăng đến từ nhóm Vingroup

- **307 doanh nghiệp trên HOSE đã công bố KQKD quý 3, LNST cổ đông công ty mẹ tăng 54,1% YoY, nhưng số doanh nghiệp tăng và giảm gần cân bằng.** Có 159 doanh nghiệp tăng lợi nhuận và 148 doanh nghiệp giảm; 22 doanh nghiệp lỗ trong quý 3. Mức tăng chung vì vậy chủ yếu phản ánh đóng góp của một số doanh nghiệp quy mô lớn, chưa đại diện cho phần đông doanh nghiệp niêm yết.
- **Nhóm Vingroup đóng góp khoảng 61% mức tăng LNST trên HOSE; loại trừ nhóm này, LNST phần còn lại tăng khoảng 22%.** LNST quý 3 của 4 doanh nghiệp thuộc nhóm chiếm khoảng 25% tổng LNST các doanh nghiệp HOSE đã công bố và khoảng 89% LNST ngành bất động sản, đưa LNST ngành này tăng 516,5%. Phần còn lại của ngành bất động sản tăng khoảng 151%, nhưng chỉ 16/42 doanh nghiệp tăng lợi nhuận, cho thấy đà phục hồi trong ngành vẫn tập trung ở một số doanh nghiệp.
- **Ngoài bất động sản, nguyên vật liệu và tiêu dùng không thiết yếu là hai ngành tăng trưởng nổi bật, trong khi các ngành phòng thủ tăng ở mức vừa phải.** LNST ngành nguyên vật liệu tăng 65,7% (26/48 doanh nghiệp tăng) và tiêu dùng không thiết yếu tăng 54,3% (19/30 doanh nghiệp tăng). Tiêu dùng thiết yếu và tiện ích tăng lần lượt 27,9% và 22,8%. Năng lượng tăng khoảng 500%, nhưng mức tăng chủ yếu đến từ một doanh nghiệp lọc dầu, nên chưa phản ánh xu hướng chung của ngành.
- **Ngân hàng, ngành có LNST lớn nhất trên HOSE, tăng 20,3%, trong khi dịch vụ tài chính và xây dựng cơ bản giảm sâu.** 17/21 ngân hàng tăng lợi nhuận. Ngược lại, LNST dịch vụ tài chính giảm 49,6%, với 19/22 doanh nghiệp giảm. Xây dựng cơ bản giảm 46,9% dù 26/48 doanh nghiệp vẫn tăng lợi nhuận, cho thấy mức giảm tập trung ở một số doanh nghiệp lớn. Vận tải giảm nhẹ 3,8%.

LNST quý 3/2026 của các ngành (DN trên sàn HOSE)

Phân ngành GICS	Số DN tăng	Số DN giảm	LNST Q3/2025	LNST Q3/2026	Tăng trưởng YoY
HOSE	**159**	**148**	**125,045.4**	**192,667.3**	**+54.1%**
Bất động sản	20	26	8,669.1	53,444.7	+516.5%
Ngân hàng	17	4	64,456.4	77,542.8	+20.3%
Tiêu dùng thiết yếu	14	14	9,376.0	11,989.0	+27.9%
Dịch vụ tài chính	3	19	12,290.0	6,188.2	-49.6%
Nguyên vật liệu	26	22	8,665.4	14,356.4	+65.7%
Tiện ích	14	11	1,906.1	2,340.2	+22.8%
Tiêu dùng không thiết yếu	19	11	4,719.3	7,281.4	+54.3%
Vận tải	10	13	1,940.9	1,868.1	-3.8%
Xây dựng cơ bản	26	22	7,886.3	4,190.7	-46.9%
Năng lượng	5	4	1,597.9	9,595.6	+500.5%
Công nghệ thông tin	2	1	2,526.6	2,815.8	+11.4%
Bảo hiểm	3	1	1,011.4	1,054.4	+4.3%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro, **cập nhật tới 30/10/2026**

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1.741,62 điểm (–1,83% WoW) – Điều chỉnh sau tuần hồi phục, khối ngoại bán ròng kéo dài

- **VN-Index giảm 1,83% WoW xuống 1.741,62 điểm, chủ yếu do áp lực chốt lời ở nhóm vốn hóa lớn sau nhịp hồi phục 4% của tuần trước.** Đà giảm bắt đầu ngay phiên 26/10, khi áp lực chốt lời gia tăng sau chuỗi 4 phiên tăng liên tiếp, tập trung ở nhóm ngân hàng và chứng khoán. Áp lực bán sau đó lan rộng trong hai phiên cuối tuần, với số mã giảm áp đảo trên HOSE. Diễn biến này có thể cho thấy nhịp hồi phục tuần trước chưa đủ vững để thu hút dòng tiền mới. Khối ngoại bán ròng hơn 2,5 nghìn tỷ đồng trong tuần, nối dài chuỗi bán ròng lên 6 phiên liên tiếp.

- Chúng tôi cho rằng VN-Index có thể kiểm định ở vùng hỗ trợ 1.700 điểm. Từ vùng này, chỉ số có thể phục hồi và tiến lên mức kháng cự quanh 1.780–1.800 điểm.

- Trong tuần qua, dòng tiền có xu hướng rút khỏi các ngành vốn hóa lớn, trong khi **Bất động sản** là ngành duy nhất tăng vốn hóa trong tuần. Thanh khoản giảm mạnh ở **Dịch vụ tài chính**, **Tiêu dùng thiết yếu** và **Ngân hàng**, các ngành chiếm tỷ trọng vốn hóa lớn. Ở chiều ngược lại, thanh khoản tăng ở **Công nghệ thông tin** và **Tiện ích**. Tuy nhiên, vốn hóa ngành Công nghệ thông tin giảm 7%, mạnh nhất trong các ngành, cho thấy thanh khoản gia tăng ở ngành này đi kèm áp lực bán thay vì dòng tiền mua vào.

- **Thanh khoản sụt giảm về mức thấp, dưới 12 nghìn tỷ/ngày (-12% WoW),** có thể phản ánh tâm lý thận trọng trước các biến số vĩ mô, như kỳ vọng lãi suất của các NHTƯ lớn và cuộc bầu cử giữa kỳ của Mỹ (3/11).

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,470**	**100%**	**-2%**	23%	**-12%**
Bất động sản	2,905	34%	1%	23%	-9%
Ngân hàng	2,510	30%	-3%	31%	-19%
Tiêu dùng thiết yếu	584	7%	-3%	15%	-20%
Dịch vụ tài chính	445	5%	-5%	15%	-28%
Nguyên vật liệu	429	5%	-1%	38%	-2%
Tiện ích	325	4%	-1%	38%	23%
Tiêu dùng không thiết yếu	285	3%	-2%	46%	-4%
Vận tải	273	3%	-2%	69%	-8%
Xây dựng cơ bản	242	3%	-5%	62%	-13%
Năng lượng	215	3%	-5%	38%	1%
Công nghệ thông tin	106	1%	-7%	85%	41%
Bảo hiểm	63	1%	0%	54%	-18%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **30/10/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Chênh lệch giữa E/P và lãi suất tiền gửi vẫn mỏng

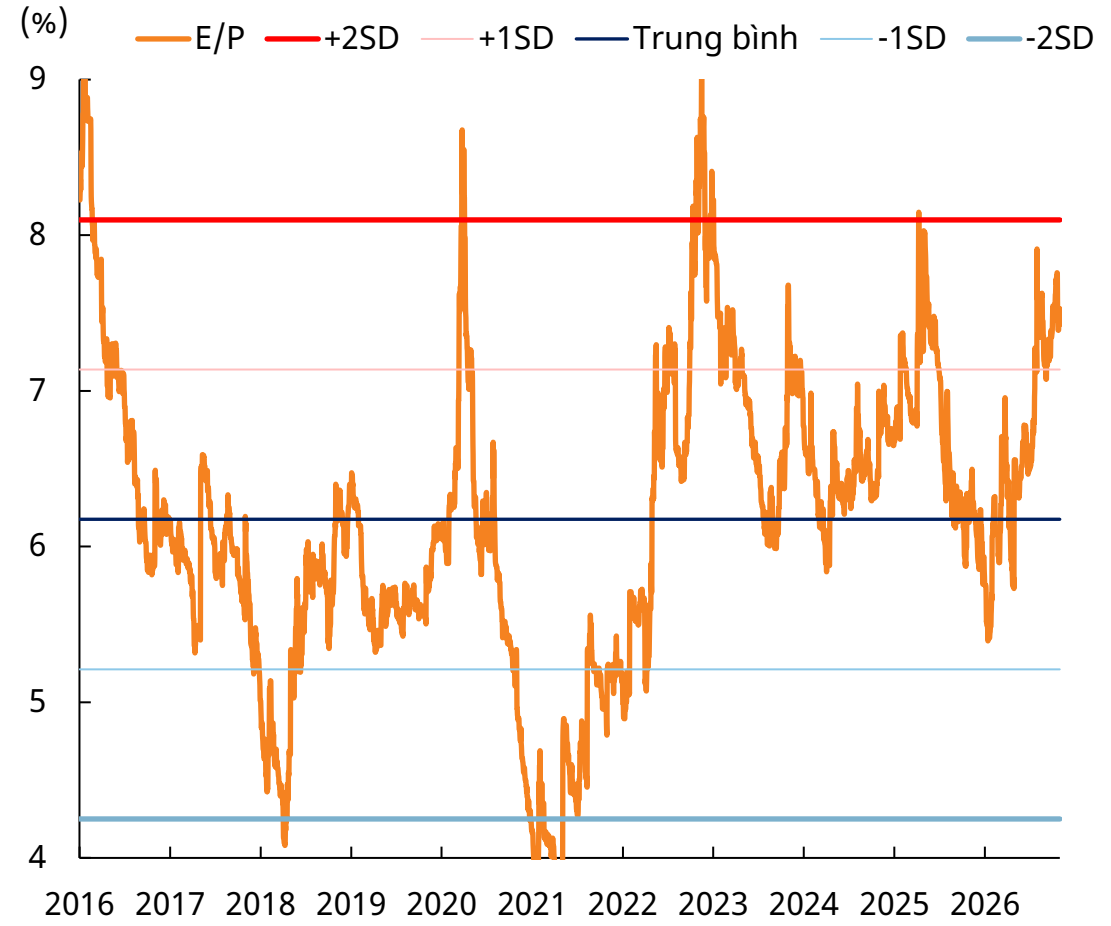
- **Sức hấp dẫn tương đối của cổ phiếu chưa cải thiện rõ**: E/P của VN-Index ở mức 7,53%, gần như ngang bằng mức lãi suất tiền gửi 12 tháng cao trên thị trường (khoảng 7,5%), cho thấy chênh lệch này còn rất mỏng. Sức hấp dẫn của cổ phiếu có thể được cải thiện nếu: 1) lãi suất huy động giảm trên diện rộng, không chỉ ở nhóm Big 4; 2) lạm phát hạ nhiệt (CPI tháng 10 công bố đầu tháng 11); 3) lợi nhuận doanh nghiệp duy trì tăng trưởng.
- **Những yếu tố cần theo dõi:**

1) **Rủi ro bên ngoài:** Cuộc bầu cử giữa kỳ ở Mỹ (3/11) và lộ trình lãi suất của các NHTƯ lớn tại cuộc họp tháng 12.

2) **Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và khơi thông dòng vốn:** 1) Đầu tư công (tập trung các siêu dự án PPP); 2) Linh hoạt nới lỏng chính sách tiền tệ (loại trừ room tín dụng cho các siêu dự án; điều chỉnh tỷ lệ LDR...); 3) Tháo gỡ khó khăn cho các dự án tồn đọng (Ban Chỉ đạo 751) và phục hồi thị trường BĐS; 4) Cải cách môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút FDI từ các dự án bán dẫn AI.

3) **Triển khai CCP vào quý 1/2027, cải thiện khả năng tiếp cận vốn ngoại trên TTCK và giải pháp thực hiện mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi theo MSCI vào năm 2030**

VN-Index trong khung định giá E/P 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **30/10/2026**.
Lưu ý: Dữ liệu từ Bloomberg chưa cập nhật mùa kết quả kinh doanh quý 3.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		**8,469,994**	**45.6**	**1,741.62**	**1,786.20**	**1,727.00**	**-0.8**	**-1.8**	**-1.5**	**-0.2**	**13.3**	**1.9**	**16.1**	**13.0**	**30.7**
VN30 Index		**6,468,487**	**43.8**	**1,855.04**	**1,927.51**	**1,844.99**	**-1.2**	**-2.7**	**-2.7**	**-1.7**	**11.0**	**1.9**	**18.1**	**15.9**	**23.0**
VN100 Index		**7,757,288**	**46.3**	**1,761.77**	**1,823.27**	**1,752.13**	**-1.2**	**-2.9**	**-2.5**	**-2.2**	**10.8**	**1.6**	**15.6**	**14.1**	**29.1**
Bất động sản	**VIC**	1,870,687	30	241,000	241,000	227,500	0.0	1.9	5.7	9.5	43.1	10.7	12.6	3.1	45.0
	VHM	517,534	30	63,000	70,500	60,100	1.4	**-2.0**	**-8.0**	**-14.8**	5.4	2.0	33.1	6.3	43.7
	VPL	161,576	15	90,100	91,000	78,500	0.0	4.8	13.8	13.3	56.0	3.7	7.5	6.5	42.5
	VRE	54,649	40	24,050	24,500	23,700	**-0.4**	**-3.8**	**-1.2**	**-1.0**	7.4	1.1	15.3	11.1	37.9
	BCM	39,744	**4**	38,400	40,500	38,400	**-2.9**	**-7.8**	**-3.3**	5.8	19.4	1.8	9.6	0.4	33.6
	NVL	33,309	55	10,400	10,600	9,600	0.5	**-1.9**	2.0	**-19.4**	5.6	0.5	9.6	3.5	45.5
	KBC	24,486	65	26,000	26,500	25,150	**-1.9**	**-3.7**	2.4	**-7.3**	14.0	0.9	7.0	6.2	42.8
	VPI	20,243	50	57,500	61,500	57,400	**-0.7**	0.2	**-3.0**	**-2.5**	50.3	3.7	7.7	10.1	38.9
	KDH	17,159	65	13,900	14,150	13,850	**-0.7**	**-7.9**	**-0.4**	**-12.6**	11.0	0.9	9.0	23.1	26.9
	SJS	16,183	80	54,400	54,700	51,600	0.0	0.2	4.2	15.0	10.0	3.3	39.9	0.6	49.5
	DXG	12,808	80	10,100	10,300	9,980	2.2	**-3.3**	**-0.5**	**-4.7**	111.6	0.9	1.4	14.7	35.3
	TCH	11,889	60	11,850	12,500	11,250	**-2.9**	**-1.3**	2.6	12.9	14.9	1.0	2.9	2.2	46.8
	SIP	11,706	45	48,350	49,900	48,350	**-1.3**	**-3.1**	**-1.5**	0.3	8.6	2.4	26.9	9.9	39.1
	PDR	11,275	60	11,300	11,450	11,050	**-0.9**	**-7.0**	0.4	**-4.6**	21.0	0.9	4.8	9.5	41.5
	NLG	10,674	80	22,000	23,000	21,500	**-4.3**	**-5.6**	1.1	2.1	17.8	0.9	5.3	7.0	43.0
	TAL	10,634	30	21,100	22,800	20,700	**-1.6**	**-4.7**	**-7.5**	1.4	11.7	1.9	19.4	35.3	14.7
	DIG	8,062	95	9,550	9,890	9,550	**-2.5**	**-5.9**	**-0.2**	**-0.8**	13.1	0.8	8.4	2.5	46.5
	HDG	6,104	60	15,000	15,600	15,000	**-2.0**	**-3.5**	**-2.3**	**-9.1**	6.5	0.9	14.2	15.7	34.3
	KOS	879	40	4,060	16,950	3,540	6.8	**-19.6**	**-76.0**	**-88.6**	32.0	0.4	1.2	0.1	48.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **30/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	**VCB**	470,425	11	56,300	58,500	56,300	**-1.6**	**-0.9**	**-2.9**	**-0.4**	11.3	1.9	18.0	19.9	10.2
	BID	259,794	**6**	33,400	36,450	33,400	**-1.3**	**-2.5**	**-7.1**	**-4.2**	7.8	1.3	16.5	17.4	12.6
	CTG	235,338	15	30,300	30,650	29,900	**-1.3**	**-2.1**	1.0	**-0.5**	5.9	1.2	22.2	20.8	1.7
	TCB	229,594	55	21,600	22,250	21,533	**-3.4**	**-5.3**	**-0.5**	10.6	8.0	1.2	16.3	24.4	5.6
	VPB	229,500	55	22,950	23,400	22,650	**-1.1**	**-4.8**	**-1.9**	15.7	7.4	1.2	18.3	22.3	7.7
	MBB	194,327	50	19,300	19,800	19,300	**-2.0**	**-2.5**	**-1.8**	3.6	6.2	1.3	22.1	22.3	1.0
	HDB	145,754	80	22,400	22,750	21,077	**-1.3**	**-0.7**	5.9	13.3	7.3	1.7	25.8	10.3	19.7
	STB	124,990	95	66,300	76,300	65,900	**-0.9**	**-3.2**	**-10.4**	**-7.4**	27.4	1.9	2.4	19.2	7.8
	ACB	121,893	85	21,000	21,500	20,800	**-1.4**	**-1.4**	**-0.5**	**-6.0**	7.6	1.2	16.7	1.5	3.6
	LPB	107,841	90	36,100	44,500	36,100	**-3.2**	**-10.6**	**-18.0**	**-31.4**	8.9	2.3	26.9	22.2	7.8
	MSB	59,155	70	15,800	16,100	13,950	**-1.6**	1.9	11.3	20.4	10.0	1.3	13.9	0.9	29.2
	SHB	56,910	75	10,650	11,450	10,550	**-0.5**	**-2.3**	**-7.0**	**-9.4**	3.8	0.7	17.5	4.4	25.6
	SSB	51,603	55	15,050	19,500	15,000	**-3.5**	**-9.6**	**-17.5**	**-3.2**	16.3	1.2	7.1	6.3	23.8
	VIB	51,438	55	13,800	14,000	13,250	**-1.4**	**-2.8**	3.4	2.4	6.7	1.0	16.2	3.9	1.1
	TPB	40,355	55	12,650	12,900	12,522	**-1.9**	**-2.7**	0.7	1.0	4.8	0.9	18.0	21.7	8.3
	OCB	32,463	30	10,600	10,900	10,100	**-1.4**	**-1.9**	5.0	2.4	7.2	0.9	13.0	19.0	3.1
	EIB	29,990	80	16,100	17,100	16,100	**-4.2**	**-9.8**	**-5.6**	**-10.1**	156.9	1.1	1.9	1.0	29.0
	NAB	26,044	80	12,650	12,750	12,200	0.0	0.4	2.8	2.8	5.6	1.0	19.9	1.0	29.0
Dịch vụ tài chính	**TCX**	91,557	15	27,500	29,700	27,000	**-1.1**	**-6.5**	**-5.7**	**-18.7**	14.7	1.9	13.8	8.2	91.8
	VCK	65,743	25	27,000	28,400	26,800	**-0.9**	**-3.4**	**-3.4**	**-13.3**	10.2	2.1	20.4	3.5	96.5
	SSI	57,694	70	19,300	20,550	19,300	**-1.5**	**-3.3**	**-4.0**	**-3.5**	11.4	1.4	13.9	29.9	70.1
	VPX	43,125	20	23,000	25,800	23,000	**-1.1**	**-4.0**	**-10.9**	**-9.4**	7.7	1.2	18.6	3.9	96.1
	HCM	31,319	55	23,200	24,650	22,500	0.7	**-3.3**	**-2.5**	**-9.7**	24.3	2.0	9.4	34.3	14.7
	VIX	30,873	100	12,000	12,650	12,000	**-3.2**	**-5.5**	**-2.4**	**-3.4**	14.2	0.9	6.3	4.9	95.1
	VCI	21,316	75	18,500	19,750	18,500	**-2.6**	**-5.6**	**-4.4**	**-14.0**	14.4	1.3	9.5	14.6	85.4
	VND	20,399	75	13,400	14,200	13,400	**-1.5**	**-2.5**	**-3.2**	**-21.4**	9.7	0.9	9.9	6.9	93.1
	EVF	8,975	95	11,800	11,800	11,400	0.9	**-1.3**	1.7	**-4.8**	9.2	0.8	9.5	9.3	90.7
	DSE	8,479	35	19,800	21,900	19,650	**-0.3**	**-0.8**	**-9.2**	**-10.4**	53.7	1.5	3.0	0.3	49.8
	BSI	7,179	14	26,600	27,550	25,700	**-2.6**	**-0.9**	3.3	**-5.0**	13.7	1.3	9.6	24.6	75.4
	FTS	6,823	40	17,900	19,550	17,900	**-5.0**	**-6.5**	**-6.5**	**-18.1**	17.0	1.5	9.2	35.3	64.7
	CTS	5,717	25	21,000	21,850	20,400	**-2.6**	**-4.3**	2.9	**-2.8**	15.2	2.0	14.0	0.4	48.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **30/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	51,220	**10**	69,000	76,200	66,400	0.0	0.0	**-7.4**	12.9	15.4	2.0	13.4	27.2	21.8
Xây dựng cơ bản	GEE	42,465	14	66,300	76,600	66,000	**-1.0**	**-8.6**	**-12.4**	**-0.9**	16.4	5.3	48.0	0.7	49.3
	GEX	29,048	70	22,200	24,650	22,200	**-3.5**	**-7.9**	**-7.9**	0.5	29.1	1.4	5.5	6.0	44.1
	REE	28,280	35	45,400	48,450	45,350	**-0.2**	**-1.1**	**-5.2**	0.2	10.3	1.3	12.9	49.0	0.0
	VGC	18,920	12	42,200	45,500	42,100	**-0.2**	**-5.2**	**-6.2**	11.8	10.5	2.1	20.0	0.9	48.1
	BMP	11,256	45	137,500	144,200	136,900	0.7	**-0.8**	**-3.9**	**-7.2**	9.0	3.5	39.6	82.0	18.0
	VCG	10,333	55	14,800	15,550	13,650	**-3.3**	**-4.2**	8.4	**-5.4**	12.1	0.9	39.3	2.0	47.0
	CII	8,870	95	13,200	13,750	12,150	**-1.9**	**-5.4**	8.6	**-1.5**	93.8	0.9	1.0	5.4	43.6
	CTR	8,635	35	67,400	72,000	67,000	**-0.9**	**-2.2**	**-5.9**	**-5.1**	13.2	3.9	30.9	8.4	41.6
	PC1	7,609	60	18,500	20,750	18,500	**-1.9**	**-5.1**	**-10.8**	**-14.5**	7.5	1.1	16.4	4.4	35.6
	CTD	7,157	55	64,000	65,800	58,600	**-1.1**	**-4.5**	9.2	8.3	9.1	0.7	8.5	46.6	3.4
	HHV	5,089	85	9,300	9,480	9,030	**-1.7**	**-3.7**	2.6	**-7.5**	8.0	0.5	5.8	10.0	39.0
Nguyên vật liệu	**HPG**	177,303	60	21,000	21,500	20,150	**-0.9**	0.2	4.2	**-3.7**	6.6	1.3	17.4	21.7	27.3
	GVR	125,000	**4**	31,250	34,900	31,250	**-2.2**	**-1.6**	**-6.2**	13.4	17.7	2.1	12.1	0.6	**-0.6**
	DCM	17,629	25	33,300	34,700	33,300	**-2.6**	**-6.2**	**-0.6**	6.6	7.6	1.5	21.3	7.1	41.9
	DPM	13,870	40	20,400	23,050	20,400	**-2.4**	**-5.8**	**-8.9**	**-13.0**	9.2	1.2	13.8	3.2	46.8
	HSG	8,759	70	10,850	11,100	9,990	**-2.7**	**-1.8**	8.5	**-0.5**	13.3	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	7,561	35	31,000	34,500	31,000	**-3.7**	**-4.8**	**-7.6**	**-2.4**	8.1	1.6	22.1	10.4	**-10.4**
	NKG	5,859	75	11,900	12,000	9,460	**-1.7**	**-0.8**	25.4	7.2	24.1	0.8	3.2	4.7	45.3
	HT1	4,923	25	12,900	13,350	11,800	**-3.0**	**-4.8**	8.9	4.9	12.7	1.0	7.7	2.3	**-2.3**
Vận tải	**VJC**	101,213	35	131,600	134,500	130,700	0.0	1.5	**-0.3**	6.0	45.9	3.8	8.7	5.2	24.8
	GMD	34,220	95	52,700	53,300	51,733	1.2	**-7.7**	1.2	3.5	14.0	2.5	18.6	38.2	10.8
	VTP	9,295	40	45,800	53,600	45,800	**-1.1**	**-3.7**	**-12.6**	**-2.6**	29.1	4.0	15.5	3.9	45.1
	VSC	4,942	95	13,200	13,850	13,150	**-4.3**	**-12.6**	0.4	**-3.3**	14.4	0.9	6.7	2.3	46.7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **30/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	**MWG**	109,201	75	74,000	75,700	71,700	-2.4	-2.0	2.2	6.0	11.0	3.0	30.2	49.0	0.0
	FRT	26,590	55	148,700	150,500	140,300	0.7	-0.9	1.2	27.9	23.4	5.5	29.7	33.8	15.2
	DGW	9,147	55	40,950	47,500	40,950	-3.6	-11.4	-9.4	12.2	9.6	2.7	28.6	26.0	23.0
	PNJ	7,932	90	15,500	26,600	15,400	-3.4	-11.2	-41.7	-52.3	4.8	0.6	17.8	28.6	20.4
Tiêu dùng thiết yếu	**MCH**	176,500	20	135,000	143,000	133,000	-1.7	-4.9	-2.9	-5.5	24.1	9.7	42.6	11.2	88.9
	VNM	118,918	40	56,900	60,800	56,700	-1.4	-1.2	-4.2	-7.0	12.0	3.7	31.1	49.7	50.4
	MSN	102,226	60	70,000	71,700	69,000	-2.9	-5.7	1.4	3.1	11.2	2.5	24.6	24.8	75.2
	SAB	54,381	11	42,400	43,300	42,400	0.2	-1.9	-1.2	-2.3	12.1	2.6	21.4	58.8	41.2
	SBT	19,347	60	20,700	23,050	20,500	-0.2	-1.2	-9.0	-2.8	26.3	1.6	6.6	23.4	76.6
	HAG	17,934	50	14,150	14,450	13,900	-2.1	-3.7	0.4	-0.4	5.3	1.1	26.0	1.7	47.3
	KDC	13,873	45	50,200	50,900	50,000	0.0	-1.2	-1.4	0.4	25.8	2.4	9.1	11.6	38.4
	BAF	12,404	70	30,600	30,600	29,243	0.7	2.5	2.5	8.9	118.4	2.7	3.2	3.1	46.9
	VHC	10,535	40	50,300	51,200	48,000	-2.3	-3.5	3.7	-7.0	8.9	1.1	15.5	17.5	82.5
	DBC	6,638	70	15,400	15,800	15,300	-2.5	-6.4	0.7	-6.4	6.6	0.8	12.2	1.2	47.8
	PAN	4,261	45	17,000	18,850	17,000	-2.9	-6.1	-8.1	-20.2	3.5	0.8	23.2	19.3	29.8
	ANV	4,260	30	16,000	16,800	15,500	-5.3	-16.0	2.9	-9.1	4.9	1.1	24.3	1.6	47.4
Dầu khí	**BSR**	138,201	**8**	27,600	32,250	27,300	-0.2	-5.0	-12.1	7.4	6.9	1.9	30.4	1.6	47.5
	PLX	43,992	**10**	34,000	36,300	33,850	0.0	-4.1	-4.5	0.4	14.1	1.7	9.1	14.3	5.8
	PVD	16,653	50	17,950	18,850	17,650	-2.2	-4.0	-1.9	-5.0	22.1	1.0	5.3	8.2	41.9
	PVT	10,985	50	21,250	24,900	20,950	-0.2	-10.3	-10.7	17.1	7.1	1.1	16.9	16.6	32.4
Tiện ích	**GAS**	188,210	**5**	78,000	84,900	74,000	2.6	-0.4	-4.9	13.5	14.8	2.7	18.4	2.1	46.9
	POW	37,428	20	12,200	13,300	12,200	-1.6	-2.8	-6.2	-10.9	6.2	0.9	16.1	4.1	45.9
	BWE	10,758	25	42,800	42,800	40,450	-0.1	1.8	4.9	-0.5	9.4	1.4	15.7	2.0	47.0
	NT2	6,477	30	22,500	22,650	21,250	-1.7	-6.6	1.8	6.9	4.5	1.2	28.9	10.4	38.6
CNTT	**FPT**	99,378	85	52,700	64,000	52,400	0.0	-7.5	-16.3	-13.5	9.6	2.3	26.2	26.9	22.2
	CMG	4,309	40	18,500	22,950	18,500	-2.1	-6.3	-12.7	-23.2	10.9	1.3	12.4	35.7	14.3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **30/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.